

THÀNH TỰU VỀ ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ QUA 35 NĂM THỰC HIỆN ĐỔI MỚI (1986-2021)

TS NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG

Học viện Chính trị khu vực III

Ngày nhận:

10-1-2022

Ngày thẩm định, đánh giá:

25-3-2022

Ngày duyệt đăng:

25-4-2022

Tóm tắt: Sau 35 năm (1986-2021) thực hiện đường lối đổi mới, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong công tác đối ngoại, đẩy lùi được chính sách cô lập về chính trị, bao vây kinh tế; mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác với các quốc gia và các tổ chức quốc tế, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, tạo ra những tiến đề quan trọng để Việt Nam hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng. Bài viết tập trung làm rõ quá trình đổi mới đường lối đối ngoại và những thành tựu đạt được trong 35 năm (1986-2021) của Việt Nam.

Từ khóa:

Đối ngoại; hội nhập quốc tế; thành tựu

1. Chủ trương của Đảng về đổi mới công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế

Đại hội VI (1986) của Đảng rút ra các bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, trong đó xác định “Trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của mình, chúng ta phải đặc biệt coi trọng kết hợp các yếu tố dân tộc và quốc tế, các yếu tố truyền thống và thời đại, sử dụng tốt mọi khả năng mở rộng quan hệ thương mại, hợp tác kinh tế và khoa học, kỹ thuật với bên ngoài để phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa

xã hội, và luôn luôn làm tròn nghĩa vụ quốc tế của mình đối với các nước anh em và bầu bạn”¹. Đại hội tiếp tục nhấn mạnh đường lối đối ngoại hòa bình, hữu nghị “Đảng và Nhà nước ta kiên trì thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình và hữu nghị”² và “chủ trương và ủng hộ chính sách cùng tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ chính trị và xã hội khác nhau”³.

Đại hội VII (1991) của Đảng xác định chủ trương: “hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính

trị - xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình”⁴. Đến Đại hội VIII, Đảng khẳng định: “Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa và đa dạng hóa các quan hệ đối ngoại với tinh thần Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”⁵

Đại hội IX (2001) của Đảng, đề ra chủ trương “xây dựng quan hệ đối tác” trong đường lối đối ngoại, với phương châm: “Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa và đa dạng hóa các quan hệ đối ngoại với tinh thần: “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”⁶. Đây là điều có ý nghĩa quan trọng, bởi mô hình quan hệ đối tác chiến lược được coi là mô hình hợp tác ở mức độ cao và quan trọng hơn so với hợp tác quốc tế thông thường. Đại hội X (2006) của Đảng khẳng định các quan điểm: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình và hợp tác phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực”⁷. Đại hội XI (2011) của Đảng nêu rõ chủ trương: “hội nhập quốc tế, tức là hội nhập toàn diện từ kinh tế đến chính trị, văn hóa, giáo dục, quốc phòng, an ninh, với đường lối đối ngoại nhất quán trong thời kỳ đổi mới: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì

lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”⁸. Đại hội XII (2016) của Đảng tiếp tục khẳng định: Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam XHCN giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”⁹.

Đại hội XIII của Đảng kế thừa những nội dung cơ bản của đường lối đối ngoại được thông qua tại các kỳ Đại hội trước, chủ trương: “kiên trì, kiên định đường lối độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa; đẩy mạnh đưa quan hệ với các đối tác, đặc biệt là đối tác quan trọng, đi vào chiều sâu hiệu quả, bền vững”¹⁰.

Đường lối đối ngoại thời kỳ đổi mới được hình thành từ Đại hội VI của Đảng (1986), đến Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa VI (5-1988) được coi là bước ngoặt, có tính đột phá về đổi mới tư duy đối ngoại, đánh dấu sự hình thành bước đầu chính sách đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa. Đảng nhấn mạnh chủ trương phát triển quan hệ với tất cả các nước có chế độ chính trị khác nhau trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bình đẳng, cùng có lợi, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau... Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10-4-2013 của Bộ Chính trị “Về hội nhập quốc tế” cũng nêu rõ nhiệm vụ: chủ động và tích cực tham gia các thể chế đa phương, góp phần xây dựng trật tự chính trị và kinh tế công bằng, dân

chủ, ngăn ngừa chiến tranh, xung đột, củng cố hòa bình, đẩy mạnh hợp tác cùng có lợi. Ngày 8-8-2018, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 25-CT/TW “Về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030”. Đây là văn bản chỉ đạo đầu tiên của Đảng về công tác đối ngoại đa phương của đất nước, đưa đối ngoại đa phương thành một nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, là một định hướng chiến lược quan trọng hàng đầu và là một phương thức hiệu quả thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược - xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trên cơ sở đường lối đối ngoại của Đại hội XIII của Đảng và kết luận của Hội nghị Đối ngoại toàn quốc, nhiệm vụ trọng tâm của ngành ngoại giao trong năm 2022 và những năm tiếp theo được nhấn mạnh: Ngoại giao phải tiếp tục đi tiên phong trong tạo lập, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển đất nước, tiếp tục đưa quan hệ giữa nước ta với các đối tác đi vào chiều sâu, hiệu quả, gia tăng tin cậy chính trị, đan xen lợi ích; phát huy tối đa tiềm năng trên nguyên tắc giữ vững độc lập, tự chủ; kiên quyết, kiên trì bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên Hợp Quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi; đẩy mạnh ngoại giao phục vụ phát triển là nhiệm vụ trung tâm; Tiếp tục đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương phù hợp với thế và lực mới của đất nước, triển khai hiệu quả Chỉ thị số 25-CT/TW “Về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030”; Triển khai toàn diện và mạnh mẽ công tác người Việt Nam ở nước ngoài theo tinh thần Nghị quyết số 36-NQ/TW và Kết luận số 12-KL/TW của Bộ Chính trị về công tác người Việt Nam ở nước ngoài. Triển khai *Chiến lược Ngoại giao văn hóa đến 2030*, thúc đẩy công nhận các di sản, danh hiệu, khai

thác hiệu quả hơn hợp tác với UNESCO và các đối tác trong lĩnh vực khoa học công nghệ và giáo dục; Tăng cường nghiên cứu, dự báo, tham mưu chiến lược về đối ngoại; Đẩy mạnh xây dựng ngành ngoại giao chuyên nghiệp, toàn diện, hiện đại.

Tiếp tục quán triệt sâu sắc và thực hiện đúng đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, vì lợi ích quốc gia - dân tộc; vừa hợp tác, vừa đấu tranh, vận dụng đúng đắn quan điểm về “đối tượng”, “đối tác”; tăng cường hợp tác, tiếp tục tạo thế đan xen lợi ích chiến lược giữa nước ta với các nước, ngăn ngừa xung đột, tránh đối đầu, bị cô lập, phụ thuộc. Trong việc bảo đảm môi trường hòa bình, một trong những yêu cầu then chốt là phải luôn kiên trì, bình tĩnh, sáng suốt, khôn khéo, xử lý đúng đắn các mối quan hệ đối ngoại, trong đó có vấn đề chủ quyền, lãnh thổ.

2. Một số thành tựu

Sau 35 năm (1986-2021) thực hiện đường lối đối ngoại đổi mới, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu hết sức quan trọng:

Một là, đẩy lùi chính sách cô lập về chính trị, bao vây về kinh tế, đồng thời mở rộng quan hệ với các quốc gia, kể cả các nước lớn và các trung tâm hàng đầu thế giới.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, thông qua các hoạt động ngoại giao tích cực, trong đó có việc phối hợp với tất cả các bên để đi tới một giải pháp chính trị cho vấn đề Campuchia đã chấm dứt tình trạng căng thẳng, đối đầu giữa Việt Nam với một số nước lớn, góp phần khai thông quan hệ giữa Việt Nam với thế giới. Việt Nam và Trung Quốc đã bình thường hóa quan hệ vào tháng 11-1991, gia nhập ASEAN

và bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ năm 1995; tham gia AFTA năm 1996, là thành viên sáng lập ASEM năm 1996, tham gia APEC năm 1998, trở thành thành viên chính thức thứ 150 của tổ chức WTO năm 2007, tham gia hiệp định đối tác tiến bộ và toàn diện xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) năm 2018 v.v.. Đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với: “189/193 quốc gia thành viên Liên Hợp quốc, có quan hệ đối tác chiến lược với 17 nước, quan hệ đối tác toàn diện với 13 nước. Về đối ngoại Đảng, Đảng đã thiết lập quan hệ với 254 chính đảng ở 114 quốc gia trên toàn thế giới¹¹, là thành viên chính thức của tất cả các tổ chức quốc tế lớn, các tổ chức và định chế thương mại, tài chính chủ chốt ở khu vực cũng như trên thế giới, với vị thế và vai trò ngày càng được nâng cao.

Hai là, tranh thủ môi trường quốc tế thuận lợi để tập trung phát triển kinh tế - xã hội.

Thông qua các hoạt động ngoại giao cụ thể, tích cực, đặc biệt là chú trọng tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác chủ chốt, thúc đẩy hợp tác kinh tế quốc tế và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới, Việt Nam đã tranh thủ được nguồn ngoại lực phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước, Đến năm 2021, Việt Nam đã có quan hệ thương mại với 244 thị trường và đối tác. 71 nước đã công nhận quy chế kinh tế thị trường cho Việt Nam. Với mạng lưới 15 FTA đã ký, trong đó có các FTA

thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, Việt Nam là một trong số ít nước tham gia hầu hết các liên kết kinh tế quan trọng. Các thị trường mà Việt Nam có FTA đều tăng trưởng xuất khẩu tốt. Mạng lưới FTA cũng đưa Việt Nam tham gia sâu hơn và trở thành mắt xích ngày càng quan trọng trong chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu¹².

Tính đến hết năm 2017, cả nước đang có 35.181 dự án FDI còn hiệu lực với tổng số vốn đăng ký đạt gần 314,52 tỷ USD. Riêng trong năm 2017, tổng vốn đăng ký của các dự án mới đạt 21,27 tỷ USD, tăng 42,3% so với năm 2016, có 1.188 lượt dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với tổng vốn đăng ký tăng thêm xấp xỉ 8,41 tỷ USD, tăng 49,2% so với năm 2016 và 5.002 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn 6,19

tỷ USD, tăng 45,1% so với 2016. Tính chung trong năm 2017, tổng vốn đăng ký cấp mới, tăng thêm và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài là 35,88 tỷ USD, tăng 44,4% so với năm 2016¹³. Tính đến tháng 8-2018, đã có hơn 26.500 dự án FDI vào Việt nam với tổng vốn đăng ký hơn 334 tỷ USD, vốn thực hiện khoảng 184 tỷ USD¹⁴. Về đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài, thống kê cho thấy, lũy kế từ năm 1989 đến nay, Việt Nam đã đầu tư ra nước ngoài hơn 22 tỷ USD với các lĩnh vực thế mạnh của Việt Nam là nông nghiệp, lâm nghiệp, năng lượng và viễn thông. Trong đó, tập trung tại các

Đường lối đối ngoại thời kỳ đổi mới được hình thành từ Đại hội VI (1986) của Đảng, đến Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa VI (5-1988) được coi là bước ngoặt, có tính đột phá về đổi mới tư duy đối ngoại, đánh dấu sự hình thành bước đầu chính sách đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa. Đảng nhấn mạnh chủ trương phát triển quan hệ với tất cả các nước có chế độ chính trị khác nhau trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bình đẳng, cùng có lợi, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

nước như Lào, Campuchia và Myanmar với vốn đầu tư chiếm gần 40% tổng vốn đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam. Riêng trong 11 tháng đầu năm 2019, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài, có 148 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn của phía Việt Nam là 353,8 triệu USD; có 29 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn tăng thêm là 105 triệu USD¹⁵. Nhờ liên kết kinh tế sâu rộng, năm 2021, mặc dù kinh tế thế giới rất khó khăn, kim ngạch thương mại của Việt Nam vẫn vượt mốc 600 tỷ USD, vốn đầu tư nước ngoài đã ký từ khi bắt đầu công cuộc đổi mới đến nay đạt khoảng 400 tỷ USD¹⁶.

Trong phòng chống đại dịch COVID-19 bùng phát toàn cầu, Việt Nam đã chủ động thực hiện có hiệu quả ngoại giao vắc xin, đưa Việt Nam trở thành một trong 6 quốc gia có tỷ lệ người dân tiêm chủng phòng COVID-19 cao nhất thế giới.

Ba là, giữ vững được độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, đồng thời từng bước giải quyết nhiều vấn đề biên giới trên bộ và trên biển với các nước có liên quan, tạo cơ sở pháp lý và điều kiện thuận lợi để quản lý biên giới, bảo vệ chủ quyền, mở rộng hợp tác quốc tế, góp phần củng cố hòa bình, ổn định trong khu vực.

Thông qua các hoạt động ngoại giao, Việt Nam và Trung Quốc đã ký Hiệp định biên giới trên bộ và hoàn thành việc phân giới cắm mốc trên bộ; ký Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định nghề cá Vịnh Bắc Bộ; ký Thỏa thuận về các nguyên tắc cơ bản chỉ đạo giải quyết vấn đề trên biển. Công tác phân giới cắm mốc giữa Việt Nam với Lào và Campuchia đang được tích cực triển khai trên cơ sở những hiệp định biên giới đã ký kết. Việt Nam và Lào luôn hợp tác bảo vệ an ninh biên giới. Hai bên

đã hoàn thành dự án tăng dày và tôn tạo hệ thống mốc quốc giới Việt Nam - Lào; ký Nghị định thư về đường biên giới và mốc quốc giới Việt Nam - Lào, Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới và cửa khẩu biên giới Việt Nam - Lào; tiếp tục đẩy mạnh triển khai Thỏa thuận giữa hai chính phủ về giải quyết vấn đề người di cư tự do và kết hôn không giá thú ở vùng biên giới Việt Nam - Lào. Về cơ bản hai bên đã thực hiện xong việc cắm mốc biên giới để thiết lập đường biên giới hòa bình. Việt Nam và Campuchia đã hoàn thành hơn 84% khối lượng phân giới cắm mốc trên biên giới đất liền, nhằm xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển bền vững vì lợi ích chung của nhân dân hai nước. Ngoài ra, Việt Nam đã ký các thỏa thuận song phương về hợp tác giải quyết vùng chồng lấn trên biển với từng nước trong khu vực, như Malaysia, Indonesia, Philippines, Thái Lan trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi, tạo điều kiện thuận lợi việc mở rộng và tăng cường hợp tác.

Bốn là, đóng góp tích cực cho xu thế hòa bình hợp tác.

Ở cấp độ khu vực, Việt Nam đã tích cực cùng các nước trong Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) hiện thực hóa mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN (AC) vào năm 2015, thúc đẩy hợp tác khu vực vì lợi ích của tất cả các nước thành viên; xây dựng, thúc đẩy và phát huy các công cụ và cơ chế hợp tác chính trị - an ninh, góp phần xây dựng lòng tin, thúc đẩy đối thoại, hòa bình, an ninh, ổn định và hợp tác vì phát triển, như Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á (TAC), Hiệp ước khu vực Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân (SEANWFZ), Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC), tiến tới xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử của các bên ở Biển Đông (COC) v.v.. Ngoài

ra, Việt Nam cũng đẩy mạnh và tham gia ngày càng thực chất, hiệu quả tại các tổ chức, diễn đàn hợp tác liên khu vực và khu vực, như Hội nghị thượng đỉnh Đông Á (EAS), Diễn đàn Hợp tác Á-Âu (ASEM), Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF), Diễn đàn Hợp tác Đông Á-Mỹ Latin (FEALAC), Diễn đàn hợp tác cấp cao vì mục tiêu xanh toàn cầu 2030 - P4G, các cơ chế hợp tác Tiểu vùng Mekong v.v. Ở cấp độ toàn cầu, trong nhiệm kỳ 2008-2009, với tư cách là Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp quốc (E10), Việt Nam đã chứng tỏ là một quốc gia có trách nhiệm, có năng lực vươn lên để đóng góp vào Hội đồng Bảo an - một trong 6 cơ quan chính của Liên Hợp quốc được giao trọng trách hàng đầu trong việc duy trì hòa bình, an ninh quốc tế. Việt Nam cũng liên tục được các nước tín nhiệm bầu làm thành viên những cơ quan quan trọng, như Hội đồng Nhân quyền (nhiệm kỳ 2014-2016), Hội đồng Kinh tế-Xã hội (ECOSOC, nhiệm kỳ 2016-2018), Hội đồng Thống đốc Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA, nhiệm kỳ 2013-2015), Chủ tịch Hội đồng Thống đốc IAEA (năm 2013-2014); Hội đồng Chấp hành Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp quốc (UNESCO, nhiệm kỳ 2015-2019), Hội đồng Kinh tế và Xã hội Liên Hợp quốc (2015-2019), Hội đồng Chấp hành UNESCO (2017-2021) v.v..

Qua 35 năm (1986-2021) thực hiện đường lối đổi mới, Đảng đã đề ra đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Đường lối đó cùng với những thành tựu to lớn trong hoạt động đối ngoại 35 năm qua là cơ sở, nền tảng để Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, thực hiện CNH, HĐH và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- 1, 2, 3 . Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb ST, 1987, tr. 31, 105, 105
- 4 . Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb ST, 1991, tr. 88
- 5 . Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb CTQG, H, 1996, tr. 120
- 6 . Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb CTQG, H, 2001, tr. 119
- 7 . Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb CTQG, H, 2006, tr.112
- 8 . Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011, tr.83-84
- 9 . Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb CTQG ST, H, 2016, tr. 153
10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQG ST, H, 2021, T. II, tr.153
11. Vũ Văn Hiền: “Thực hiện nhiệm vụ đối ngoại theo Cương lĩnh của Đảng trong thời kỳ đổi mới”, https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/tin-tieu-diem/-/asset_publisher/s5L7xhQiJeKe/content/thuc-hien-nhiem-vu-doi-ngoai-theo-cuong-linh-cua-dang-trong-thoi-ky-doi-moi, ngày 28-7-2021
12. <http://vmha.gov.vn/hoat-dong-dang-doan-the-105/doi-ngoai-va-hoi-nhap-quoc-te-dong-gop-khong-nho-vaio-thanh-tuu-chung-cua-dat-nuoc-11177.html>
13. Dương Xuân Ngọc, Lưu Văn An: *Giáo trình Quan hệ chính trị quốc tế*, Nxb CTQG, H, 2018, tr.218
14. Nguyễn Hoàng Giáp, Nguyễn Thị Quê: *Giáo trình quan hệ quốc tế - dùng cho đối tượng đào tạo cao cấp lý luận chính trị trong nội bộ ngành công an*, Học viện chính trị Công an nhân dân, Hà Nội, 2016, tr. 215.
15. Nguyễn Thị Bích Ngọc: “Hoạt động đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài: Thực trạng và khuyến nghị”, <https://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/hoat-dong-dau-tu-cua-viet-nam-ra-nuoc-ngoai-thuc-trang-va-khuyen-nghi-318291.html>, ngày 28-7-2021
16. <http://vmha.gov.vn/hoat-dong-dang-doan-the-105/doi-ngoai-va-hoi-nhap-quoc-te-dong-gop-khong-nho-vaio-thanh-tuu-chung-cua-dat-nuoc-11177.html>